

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động rửa xe.
- Nguồn số 03: Nước mưa chảy tràn khu vực kinh doanh xăng dầu.

Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 và nguồn số 02 sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn, sau đó gộp cùng nước thải phát sinh từ nguồn số 03 (sau khi đã được xử lý tại bể lắng, gạn dầu) thải ra kênh Múc 11 qua 01 điểm xả phía Đông Nam dự án.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh Múc 11 qua 01 điểm xả phía Đông Nam dự án.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được xả qua 01 cửa xả phía Đông Nam dự án vào kênh Múc 11 tại xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2232809; Y(m) = 582476.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 22 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi chảy vào kênh Múc 11 theo phương thức tự chảy.

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,2; đối với thông số pH, Coliform thì C<sub>max</sub> = C) và đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B - Cửa hàng có dịch vụ rửa xe) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cụ thể như sau:

Bảng 1: Giá trị giới hạn thông số trong nước thải sau xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		
			QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)		QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			C	C <sub>max</sub>	Cửa hàng có dịch vụ rửa xe
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50	54	-
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108	120
4	COD	mg/l	150	162	150
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10,8	-
6	Tổng phốt pho	mg/l	06	6,48	-
7	Tổng Nitơ	mg/l	40	43,2	-
8	Clo dư	mg/l	02	2,16	-
9	Sunfua	mg/l	0,5	0,54	-
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	-	18
11	Coliform	VK/100ml	5.000	5.000	-

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó cùng với nước thoát sàn chảy ra hố ga ngoài nhà và theo đường ống UPVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ thể tích 15 m<sup>3</sup>, sau đó theo đường ống UPVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước mưa chảy tràn khu vực kinh doanh xăng dầu (sau khi lắng, gạn dầu) theo đường ống UPVC D200 đầu nối vào hố ga sau hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) (áp dụng hệ số K<sub>f</sub>= 1,1; K<sub>q</sub> = 0,9) và đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B - Cửa hàng có dịch vụ rửa xe) được thải vào kênh Múc 11 qua 01 điểm xả phía Đông Nam dự án.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu nhà xưởng, văn phòng, showroom,... được xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại 03 ngăn với số lượng là 04 bể. Trong đó: 01 bể tự hoại Nhà điều hành + văn phòng với thể tích 05 m<sup>3</sup>; 01 bể tự hoại tại xưởng sản xuất, trung bày đồ gỗ mỹ nghệ thể tích 10 m<sup>3</sup>; 01 bể tự hoại tại Showroom ô tô - nội thất, xưởng bảo trì thể tích 10 m<sup>3</sup>; 01 bể tự hoại tại xưởng sản xuất với thể tích 10 m<sup>3</sup>.

+ Nước thải từ khu vực rửa xe được thu gom về bể tách dầu mỡ thể tích 15 m<sup>3</sup> xây ngầm dưới hạng mục Showroom ô tô - nội thất, xưởng bảo trì. Nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống UPVC D200 dẫn về hệ thống hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Quy trình xử lý nước mưa chảy tràn khu vực trạm bơm xăng dầu và khu bể chứa xăng dầu như sau: Nước thải nhiễm dầu được thu gom vào rãnh thu B200 và lắng cặn qua các hố ga, sau đó chảy về bể lắng, gạt dầu thể tích 03 m<sup>3</sup>. Trong bể bố trí các tấm lọc xăng dầu SOS-1 thiết kế bao quanh thành bể và đáy bể với chiều dày khoảng 05 mm, khổ rộng 1,5 m chịu được dòng chảy với lưu tốc tối đa là 250 m<sup>3</sup>/giờ/1m<sup>2</sup>. Nước sau xử lý sẽ đầu nối vào hố ga sau hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để chảy ra kênh Múc 11 tại 1 điểm xả phía Đông Nam dự án.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga → Kênh Múc 11 phía Đông Nam dự án.

- Công suất hệ thống xử lý nước thải: 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Hóa chất sử dụng: Clorine 12 kg/năm; chế phẩm EM 42 lít/năm.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Chủ dự án bố trí 01 nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Quá trình xây dựng, lắp đặt thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của thiết kế.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất. Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống để phát hiện và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, chủ dự án sẽ tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) và QCVN

29:2010/BTNMT (Cột B) mới được thải ra kênh Múc 11 tại 1 điểm xả phía Đông Nam dự án.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ tháng 12/2024 đến tháng 3/2025.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.
- 01 mẫu tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- 01 mẫu đầu vào tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải và 03 mẫu đầu ra (trong 03 ngày liên tiếp) tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải. Tần suất lấy mẫu 01 lần/ngày.

- Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Chi cục Bảo vệ môi trường) để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra kênh Múc 11 phía Đông Nam dự án. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết. Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) và QCVN 29:2010/BTNMT (cột A) khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp trong quá trình xả nước thải nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới kênh Múc 11 phía Đông Nam dự án, Chủ dự án phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.